

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực

hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2604/TTr-SKHCN ngày 27 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành quyết định

Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số

93/2025/QH15, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và khoản 1 Điều 44 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 mà chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và khoản 3 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc áp dụng “Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh” trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quy định này không áp dụng đối với nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay và nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính quy định tại Điều 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác có liên quan đến chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là nhiệm vụ giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ giải quyết các vấn đề về đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

2. *Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố*: là tập hợp các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có mục tiêu chung được triển khai trong trung hạn hoặc dài hạn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm Chương trình khoa học và công nghệ và Chương trình đổi mới sáng tạo.

3. *Chương trình, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt Thành phố (bao gồm chương trình khoa học và công nghệ đặc biệt Thành phố; chương trình đổi mới sáng tạo đặc biệt Thành phố)*: là chương trình do Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân cấp quyết định, phê duyệt, triển khai thực hiện theo cơ chế đặc thù của Thành phố. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc thù được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù theo thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận cho Thành phố thực hiện.

4. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý nhiệm vụ) là cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

5. *Đánh giá tác động kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là hoạt động do cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện sau thời gian từ 02 đến 05 năm kể từ khi kết thúc thời gian triển khai nhiệm vụ nhằm đo lường tác động đến phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy định này.

6. *Quản trị rủi ro*: là các hoạt động do cơ quan quản lý nhiệm vụ chủ trì, phối

hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nhằm dự báo, phòng ngừa, phát hiện và hạn chế các rủi ro phát sinh xuyên suốt các khâu từ xây dựng, tổ chức thực hiện cho đến nghiệm thu, quyết toán và bàn giao kết quả nhiệm vụ, bảo đảm tuân thủ pháp luật, chấp nhận các giá trị rủi ro trong nghiên cứu khoa học và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. *Đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là phương thức quản lý trong đó cơ quan có thẩm quyền tại khoản 4 Điều này chủ động hoặc dựa trên đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ các cơ quan, tổ chức để xác định nhu cầu thực tiễn, mục tiêu, yêu cầu sản phẩm đầu ra và mức kinh phí dự kiến, để lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ nhằm giải quyết vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh hoặc nâng cao năng lực khoa học, công nghệ Thành phố.

8. *Đề xuất đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là việc Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi đề xuất đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ quan quản lý nhiệm vụ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp và xem xét cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

9. *Đề xuất tài trợ chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là việc tổ chức, doanh nghiệp gửi đề xuất tài trợ chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Nhà nước cho cơ quan quản lý nhiệm vụ để được xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

10. *Tổ chức đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*: là các tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Quy định này nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

11. *Tổ chức chủ trì chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức chủ trì):* là tổ chức có tư cách pháp nhân được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn hoặc giao trực tiếp để đứng tên, tổ chức và chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện chương trình, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hợp đồng đã ký kết.

12. *Chủ nhiệm chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là chủ nhiệm nhiệm vụ):* là cá nhân có đủ năng lực chuyên môn, được tổ chức chủ trì lựa chọn, chịu trách nhiệm chính về nội dung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tiến độ chuyên môn và chất lượng sản phẩm của nhiệm vụ.

Điều 3. Quản lý nhà nước đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm và hằng năm phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Xây dựng và phối hợp tổ chức triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo định kỳ hoặc đột xuất theo định hướng và nhu cầu phát triển của Thành phố theo quy định tại Điều 25 Quy định này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của hoạt động tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

6. Tổ chức khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức thông báo, công bố kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức rà soát, xác định, thông báo, công bố kế hoạch, danh mục tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức xét duyệt, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí, phê duyệt, ký kết hợp đồng giao nhiệm vụ, tài trợ, hỗ trợ, đặt hàng và cấp kinh phí thực hiện.

3. Thực hiện quản trị rủi ro nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xuyên suốt quá trình triển khai nhiệm vụ (từ giai đoạn xây dựng thuyết minh, tổ chức thực hiện, theo dõi - đánh giá trong kỳ, đến đánh giá cuối kỳ /nghiệm thu, điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt) nhằm bảo đảm đạt mục tiêu, tiến độ, chất lượng và hiệu quả sử dụng kinh phí.

4. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh, sửa đổi, chấm dứt, đánh giá trong kỳ và cuối kỳ/nghiệm thu, đánh giá tác động và hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, báo cáo, đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của việc thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Thực hiện quản lý, cấp, thanh, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng, giao nhiệm vụ.

7. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

8. Tổ chức lưu giữ, quản lý và khai thác thông tin, kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý nhà nước đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 3 Quy định này, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng định hướng, chiến lược, kế hoạch và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước cấp Thành phố bao gồm các nội

dung quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và thực hiện các nội dung khác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 1, khoản 7 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và tại Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức đăng ký chủ trì và cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện đối với tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải có tư cách pháp nhân, chức năng và lĩnh vực hoạt động phù hợp với mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ; có năng lực chuyên môn, nhân lực, cơ sở vật chất và khả năng huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ; không thuộc các trường hợp bị hạn chế tham gia theo quy định của pháp luật. Việc xác định và áp dụng các điều kiện quy định tại khoản này thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Điều 9 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định và công bố công khai bằng văn bản hành chính thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có).

c) Việc xác định và áp dụng điều kiện đối với tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh, bình đẳng và phù hợp với yêu cầu quản lý nhiệm vụ.

2. Điều kiện đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn, nghiệp vụ và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ đăng ký làm chủ nhiệm và có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ.

b) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

b1) Có nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá trong kỳ hoặc cuối

kỳ/nghiệm thu ở mức “không đạt yêu cầu” vì lý do chủ quan trong thời gian 02 năm kể từ khi có thông báo của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b2) Có vi phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 7. Tiêu chí đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải có mục tiêu, nội dung phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng, đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh; giải quyết vấn đề thực tiễn, cấp bách, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của Thành phố.

2. Căn cứ từng loại hình nhiệm vụ, phương thức thực hiện và yêu cầu quản lý, cơ quan quản lý nhiệm vụ xác định tiêu chí cụ thể đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo triển khai theo chính sách đặc thù của Thành phố thì thực hiện theo quy định tại chính sách đặc thù đó.

3. Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có 01 chủ nhiệm nhiệm vụ. Mỗi cá nhân được đăng ký và thực hiện tối đa 02 nhiệm vụ với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ tại cùng một thời điểm, trường hợp khác do thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định.

4. Thời gian và gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thời gian thực hiện nhiệm vụ:

a1) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp; khoa học y, được có thời gian thực hiện tối đa 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng giao nhiệm vụ.

a2) Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thời gian thực hiện tối đa 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thực hiện

nhiệm vụ. Riêng nhiệm vụ theo hình thức tài trợ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo có thời gian thực hiện tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

a3) Đối với nhiệm vụ khác, thời gian thực hiện tối đa 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

b) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ: Trường hợp cần thiết, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có thể được xem xét gia hạn 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện đến 24 tháng.

c) Trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí và việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm đã được phê duyệt.

2. Lựa chọn cá nhân có đủ trình độ chuyên môn, năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ; trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan quản lý nhiệm vụ chấp thuận theo thẩm quyền.

3. Ký kết và thực hiện hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định; bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và huy động đầy đủ các nguồn lực tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đúng mục đích, đúng quy định; tổ chức hạch toán, quản lý, bảo quản và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ thu, chi của nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

5. Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ theo đúng tiến độ đã cam kết; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhiệm vụ, cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ; kịp thời kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết để bảo đảm đạt mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

6. Phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở

hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có); lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc quản lý, khai thác và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền quản lý, sử dụng hoặc quyền sở hữu kết quả theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện việc giao nộp đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng kết quả của nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền, được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm về việc phân chia lợi ích phát sinh từ kết quả nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

8. Các trách nhiệm của tổ chức chủ trì quy định tại Điều này được thực hiện không loại trừ các trách nhiệm khác của tổ chức chủ trì theo quy định tại khoản 9 Điều 16 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, hợp đồng đã ký kết và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập (sau đây gọi tắt là tổ chức khoa học và công nghệ) chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 hoặc từ nguồn kinh phí tự chủ hợp pháp khác.

2. Căn cứ phạm vi, chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung hạn hoặc dài hạn theo nhu cầu phát triển của Thành phố, tổ chức khoa học và công nghệ chủ động xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại cơ sở (sau đây gọi tắt là chương trình cơ sở) giai đoạn trung hạn 05 năm kèm theo danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân kỳ hằng năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định của tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Dự thảo chương trình cơ sở gồm các nội dung chủ yếu: tên, mục tiêu, nội dung chương trình cơ sở; nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá;

cơ quan chủ trì quản lý chương trình cơ sở; thời gian thực hiện chương trình cơ sở; dự kiến tổng kinh phí thực hiện, cơ cấu nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn đối ứng, xã hội hóa); hợp tác quốc tế (nếu có); danh mục nhiệm vụ; dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của nhiệm vụ, chương trình cơ sở.

c) Thuyết minh chương trình cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá, tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình cơ sở.

d) Các tài liệu khác (nếu có).

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn để thẩm định chương trình cơ sở. Thành phần Hội đồng bao gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ, đại diện cơ quan liên quan và chuyên gia (nếu cần). Nội dung thẩm định theo các tiêu chí sau:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và chức năng nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Tập trung trọng điểm, không trùng lặp giữa các chương trình;

c) Tính cấp thiết;

d) Sự phù hợp giữa mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá;

đ) Tính khả thi của chương trình cơ sở;

e) Khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình cơ sở đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

g) Dự kiến được tổng mức kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.

5. Căn cứ kết quả thẩm định tại khoản 4 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức khoa học và công nghệ để xem xét, phê duyệt chương trình cơ sở. Nội dung phê duyệt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, mục tiêu, nội dung;

b) Yêu cầu đối với sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá;

c) Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, quản lý chương trình;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo);

đ) Thời gian thực hiện;

e) Dự kiến được tổng mức kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện;

g) Danh mục nhiệm vụ được phân kỳ hàng năm (bao gồm tên nhiệm vụ; nội dung chủ yếu; sản phẩm dự kiến; kinh phí dự kiến có phân kỳ hàng năm).

6. Tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ chương trình cơ sở đã được phê duyệt để tổng hợp, thực hiện các nội dung sau:

a) Đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm của Thành phố;

b) Gửi Sở Tài chính tổng hợp, lập, trình cấp có thẩm quyền dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Căn cứ chương trình cơ sở đã phê duyệt, tổ chức khoa học và công nghệ chủ động tổ chức xét duyệt; tuyển chọn hoặc giao trực tiếp; thẩm định kinh phí; phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Tổ chức khoa học và công nghệ có thể áp dụng quy định này hoặc xây dựng quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 10. Tổ chức, quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước

1. Việc tổ chức, quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, quản lý hồ sơ, tài liệu và kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ

NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Trình tự, nội dung thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trình tự, nội dung, thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, nội dung, thực hiện thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trình tự thực hiện

a1) Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành Thông báo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể về phát triển về khoa học và công nghệ của Thành phố để mời gọi các tổ chức tham gia đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a2) Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức việc tiếp nhận đề xuất đặt hàng theo quy định tại tiêu điểm a1 điểm a khoản 2 Điều này.

a3) Cơ quan quản lý nhiệm vụ rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và thông qua Tổ chuyên gia tư vấn theo quy định tại Điều 27 Quy định này.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a4) Việc rà soát được thông qua hình thức họp trực tiếp (có thể kết hợp với trực tuyến) hoặc thông qua phiếu lấy ý kiến các thành viên Tổ chuyên gia. Trong trường hợp rà soát thông qua hình thức họp Tổ chuyên gia, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức ghi nhận ý kiến rà soát của từng thành viên dưới hình thức biên bản họp Tổ chuyên gia.

a5) Căn cứ vào kết quả rà soát của Tổ chuyên gia, khả năng cân đối ngân sách, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, ban hành thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Nội dung thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nội dung thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và thông tin về thành phần, yêu cầu đối với hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, nội dung thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: nội dung thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Đối với nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ, nội dung thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải bổ sung thông tin liên quan đến công nghệ, sản phẩm công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kế hoạch đặt hàng lại theo một trong các trường hợp sau:

a) Khi hết thời hạn thông báo kế hoạch đặt hàng mà không có hồ sơ đăng ký xét đặt hàng;

b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến rà soát tại khoản 2 Điều 13 Quy định này;

c) Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu xét đặt hàng theo khoản 3 Điều 13 Quy định này;

d) Hồ sơ được xét đặt hàng bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Quy định này;

đ) Trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và theo Biểu mẫu BM-09 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và theo Biểu mẫu BM-10 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

c) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Thông tin về năng lực của tổ chức đăng ký chủ trì, lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và thành viên nghiên cứu được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

đ) Văn bản cam kết phối hợp thực hiện nhiệm vụ, cam kết đồng tài trợ (nếu có) lập theo Biểu mẫu BM-12 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

2. Tùy theo loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ đăng ký còn phải bổ sung các tài liệu tương ứng, cụ thể như sau:

a) Trường hợp nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ có yêu cầu về vốn đối ứng, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp là chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hồ sơ đăng ký phải có thuyết minh tổng quát, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và theo Biểu mẫu BM-11 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức liên kết, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

e) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức hợp tác công tư, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

g) Trường hợp nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 9 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

h) Trường hợp đề xuất tài trợ phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức đề xuất không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, hồ sơ đăng ký phải bổ sung các tài liệu theo quy định tại khoản 10 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí, phê duyệt và hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí, phê duyệt và hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1. Tổ chức đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định này đến cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP làm cơ sở tổ chức xét tài trợ, đặt hàng.

3. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) và/hoặc ý kiến của các chuyên gia phản biện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, và 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKH-CN. Kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá theo thang điểm 100 và được thể hiện trong biên bản họp

Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng, phiếu đánh giá nhận xét do Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định, bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tổng quan, tính cấp thiết và mục tiêu của nhiệm vụ;
- b) Nội dung và phương pháp thực hiện nhiệm vụ;
- c) Kết quả, sản phẩm chính dự kiến đạt được của nhiệm vụ;
- d) Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả;
- đ) Dự kiến hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân đề xuất xét tài trợ, đặt hàng.

4. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Hồ sơ thẩm định kinh phí bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 12 Quy định này sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng và dự toán kinh phí theo Biểu mẫu BM-15 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

c) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định mức tài trợ, đặt hàng kinh phí từ ngân sách nhà nước (một phần hoặc toàn bộ kinh phí) dựa trên kết quả thẩm định kinh phí của Tổ thẩm định kinh phí thông qua biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí và khả năng cân đối ngân sách.

5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, đặt hàng khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng tham dự họp (trong đó bắt buộc phải có các chuyên gia phản biện) đánh giá hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt từ 70 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm 0 (không điểm);

b) Nhiệm vụ có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên trên tổng số điểm của các thành viên trong hội đồng tham dự họp;

c) Được ít nhất 3/4 thành viên hội đồng tham dự họp (trong đó có ít nhất 01 chuyên gia phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ;

d) Được Tổ thẩm định kinh phí thống nhất tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

đ) Ý kiến thống nhất của chuyên gia phản biện (nếu có).

6. Trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đề nghị xét đặt hàng cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được hội đồng đánh giá “Đạt” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 5 Điều này, hồ sơ được chọn để thẩm định kinh phí là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Có điểm trung bình của các thành viên hội đồng cao nhất;

b) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau, thì chọn hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

c) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau; kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

d) Các trường hợp không theo quy định tại điểm a, b hoặc c khoản này do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét quyết định.

7. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP trên cơ sở kết quả xét tài trợ, đặt hàng, kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

b1) Các tài liệu theo quy định tại Điều 12 Quy định này sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa trong quá trình xét tài trợ đặt hàng và thẩm định kinh phí;

b2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13 và Biểu mẫu BM-14 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

b3) Quyết định phê duyệt theo Biểu mẫu BM-17 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

b4) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu mẫu BM-15 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

8. Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng, trường hợp phát hiện hồ sơ, thông tin không đáp ứng điều kiện, tiêu chí; có sai sót, vi phạm quy định về trình tự, thủ tục hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý nhiệm vụ hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

9. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biểu phù hợp với nhu cầu thực tiễn theo quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Ký hợp đồng, đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí và điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-18 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN hoặc theo các biểu mẫu do cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN;

b) Ngoài nội dung đánh giá theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, nội dung đánh giá trong kỳ còn bao gồm các nội dung đánh giá rủi ro đã được nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp phát sinh các rủi ro, nội dung đánh giá trong kỳ bao gồm việc xác định trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể quy định chi tiết tiêu chí riêng về rủi ro đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

3. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trường hợp phát sinh nhu cầu điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện điều chỉnh hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN. Việc điều chỉnh hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp:

a) Phát sinh từ đề nghị của tổ chức chủ trì do có thay đổi thông tin liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Phát sinh từ yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhiệm vụ nhằm bảo đảm mục tiêu, hiệu quả và tính khả thi của nhiệm vụ;

c) Việc điều chỉnh được thực hiện không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh hoặc phát sinh từ yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhiệm vụ, được thể hiện bằng văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc bằng quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh, làm cơ sở để tiếp tục triển khai nhiệm vụ theo nội dung điều chỉnh đã được chấp thuận.

Điều 15. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua tổ chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập và theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN. Kết quả đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thể hiện trong biên bản, phiếu đánh giá nhận xét do cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định.

2. Trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được, cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập tổ chuyên gia riêng để thẩm định, đánh giá các sản phẩm này, xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của đoàn đánh giá cuối kỳ. Tổ chuyên gia này có ít nhất 03 thành viên, là các thành viên thuộc tổ chuyên gia hoặc đoàn đánh giá cuối kỳ, trong đó có 01 tổ trưởng. Báo cáo thẩm định sản phẩm của Tổ chuyên gia này phải được gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ trước phiên họp tổ chuyên gia hoặc đoàn đánh giá cuối kỳ ít nhất 01 ngày làm việc để phục vụ cho phiên họp đánh giá cuối kỳ.

3. Ngoài nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, nội dung đánh

giá cuối kỳ còn bao gồm nội dung đánh giá rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định này.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá cuối kỳ ở mức “Không đạt yêu cầu”, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện tiếp các nội dung sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức chủ trì bổ sung, giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết), trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá cuối kỳ;

b) Xác định mức kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước (nếu có) trên cơ sở kết quả đánh giá cuối kỳ và kết quả đánh giá rủi ro theo quy định. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập hội đồng tư vấn để xem xét, xác định mức kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Căn cứ quá trình và kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem xét thực hiện sau khi có kết quả đánh giá trong kỳ hoặc đánh giá cuối kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và Điều 15 Quy định này.

2. Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

3. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

Sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chấm dứt theo quy định, cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

Mục 2

NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 17. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trên cổng thông tin điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Nội dung thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo bao gồm các

thông tin chủ yếu sau đây:

- a) Đối tượng, điều kiện tham gia nhận tài trợ, thực hiện nhiệm vụ;
- b) Thành phần hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 18 Quy định này;
- c) Phương thức nộp hồ sơ, thời hạn, địa chỉ nhận hồ sơ, phương thức tiếp nhận hồ sơ và thông tin liên hệ của cơ quan quản lý nhiệm vụ;
- d) Mỗi nhiệm vụ cần nêu rõ tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

3. Thông báo được điều chỉnh và đăng tải lại trên Cổng thông tin điện tử để kêu gọi đề xuất, đăng ký thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời hạn thông báo mà không có hồ sơ đề xuất, đăng ký thực hiện nhiệm vụ;
- b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ;
- c) Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu xét duyệt;
- d) Hồ sơ được phê duyệt bị hủy kết quả phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Quy định này.

4. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhiệm vụ đổi mới sáng tạo triển khai theo chính sách đặc thù của Thành phố thì thực hiện theo các biểu mẫu do cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành phù hợp với chính sách đặc thù đó và quy định của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng phù hợp với từng trường hợp cụ thể sau:

- a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có, cần bổ sung tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân khác, cần bổ sung văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và văn bản thỏa thuận giữa các bên về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (nếu có);

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng, cần bổ sung văn bản cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Điều 19. Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. Việc tổ chức xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét quyết định và thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP gồm:

- a) Tự xét duyệt;
- b) Thành lập Hội đồng xét duyệt;
- c) Thuê tổ chức tư vấn xét duyệt.

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất để hoàn thiện hồ sơ và nộp về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận thông báo. Quá thời hạn theo yêu cầu, cơ quan quản lý nhiệm vụ chấm dứt xem xét nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Trường hợp hồ sơ đề xuất không được chấp thuận, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất.

2. Đối với hình thức tự xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ sử dụng bộ máy, nhân lực, nguồn lực của mình để thực hiện xét duyệt nhiệm vụ bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, khách quan, hiệu quả, đúng quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung đánh giá và kiến nghị.

3. Đối với hình thức thành lập Hội đồng xét duyệt

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông qua Hội đồng xét duyệt do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập theo quy định tại Điều 26 Quy định này;

b) Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng, phiếu đánh giá, biên bản họp tương ứng theo Mẫu số I.7, I.8, I.9, I.10, I.11 và I.12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhiệm vụ đổi mới sáng tạo triển khai theo chính sách đặc thù của Thành phố thì thực hiện theo các biểu mẫu do cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành phù hợp với chính sách đặc thù đó và quy định của pháp luật.

4. Đối với hình thức thuê tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và Điều 30 Quy định này.

Điều 20. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức đề xuất quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy định này, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo các nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ tự tổ chức thẩm định hoặc thành lập Tổ thẩm định để thẩm định kinh phí nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ thuê đơn vị thẩm tra kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định.

3. Đối với hình thức thành lập Tổ thẩm định kinh phí

a) Tổ thẩm định kinh phí do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập theo Điều 29 Quy định này và tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày họp thẩm định, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất để hoàn thiện hồ sơ và nộp về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo. Quá thời hạn theo yêu cầu, cơ quan quản lý nhiệm vụ chấm dứt xem xét nhiệm vụ.

Điều 21. Phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Căn cứ kết quả xét duyệt và kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định mức tài trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước (một phần hoặc toàn bộ kinh phí đề xuất) và phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo gồm:

a) Biên bản tự xét duyệt (trường hợp xét duyệt theo hình thức tự xét duyệt) hoặc Biên bản họp Hội đồng xét duyệt (trường hợp xét duyệt theo hình thức thành lập Hội đồng xét duyệt) hoặc Văn bản kiến nghị của tổ chức tư vấn (trường hợp xét duyệt theo hình thức thuê tổ chức tư vấn xét duyệt);

b) Biên bản thẩm định kinh phí hoặc kết quả thẩm tra kinh phí (trường hợp thuê đơn vị thẩm tra kinh phí thực hiện nhiệm vụ);

c) Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 18 Quy định này sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến trong quá trình xét duyệt và thẩm định kinh phí;

d) Kết quả khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật (nếu có).

3. Hủy kết quả phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Trong quá trình xét duyệt đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ có quyền hủy bỏ kết quả phê duyệt nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đề xuất có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký hoặc trong quá trình kiểm tra, đánh giá cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo phát hiện vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Nhiệm vụ đã nhận kinh phí thực hiện từ các nguồn ngân sách nhà nước khác;

c) Tổ chức đề xuất không tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong quá trình xét duyệt và thẩm định kinh phí;

d) Tổ chức chủ trì đề nghị không thực hiện nhiệm vụ;

đ) Trường hợp khác, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định theo các quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền bằng văn bản.

4. Ký kết hợp đồng và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ ký hợp đồng với tổ chức chủ trì để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

b) Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 22. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập đoàn đánh giá theo quy định tại Điều 28 Quy định này để tiến hành kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể thuê tổ chức tư vấn kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ.

2. Phương thức kiểm tra, đánh giá theo phương thức trực tiếp, phương thức trực tuyến hoặc kết hợp hai phương thức.

3. Nội dung kiểm tra, đánh giá

a) Tình hình thực hiện các nội dung và kết quả so với mục tiêu, tiến độ trong hợp đồng;

b) Tính hợp lệ của hồ sơ chứng từ đề nghị thanh quyết toán đối với từng nội dung thực hiện;

c) Việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai;

d) Khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai và đề xuất điều chỉnh (nếu có);

đ) Đề xuất, kiến nghị của tổ chức chủ trì và ý kiến đánh giá của cơ quan quản lý nhiệm vụ về việc tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

4. Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo theo Mẫu số I.15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, trong đó nêu rõ tiến độ thực hiện, nội dung, sản phẩm đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai, tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và các tài liệu khác có liên quan gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ để phục vụ việc kiểm tra, đánh giá. Kết quả kiểm tra, đánh giá được lập thành biên bản, có xác nhận của đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ và đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ làm cơ sở pháp lý cho các bước xử lý tiếp theo.

5. Căn cứ biên bản kiểm tra, đánh giá, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét cấp kinh phí hoặc chấm dứt hợp đồng.

Điều 23. Sửa đổi, chấm dứt, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Sửa đổi hợp đồng

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện sửa đổi hợp đồng trong các trường hợp sau:

a1) Phát sinh từ đề nghị của tổ chức chủ trì do có thay đổi thông tin liên quan đến nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

a2) Phát sinh từ yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhiệm vụ nhằm bảo đảm mục tiêu, hiệu quả và tính khả thi của nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

b) Việc sửa đổi hợp đồng không thay đổi mục tiêu và không điều chỉnh tăng tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đã được phê duyệt.

c) Sau khi nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh hoặc phát sinh từ yêu cầu quản lý, cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện sửa đổi hợp đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

a) Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được xem xét thực hiện sau khi có kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị và trình tự thực hiện chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng

a) Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

a1) Nhiệm vụ được hoàn thành và hoàn tất thủ tục theo quy định;

a2) Theo quy định pháp luật hiện hành và theo các điều khoản đã được ký kết giữa các bên trong hợp đồng;

a3) Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp tổ chức chủ trì:

b1) Bị giải thể hoặc phá sản;

b2) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba;

b3) Vi phạm thời hạn thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

b4) Sử dụng kinh phí không đúng mục đích được nêu trong hợp đồng;

b5) Thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được nêu trong Thuyết minh và

hợp đồng;

b6) Không nộp các báo cáo phục vụ kiểm tra, đánh giá; hồ sơ, chứng từ, thanh quyết toán nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

b7) Không bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và nhân lực theo Thuyết minh nhiệm vụ để thực hiện hợp đồng;

b8) Gây ra hậu quả nghiêm trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vi phạm đến quy định pháp luật và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

c) Tổ chức chủ trì được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan quản lý nhiệm vụ không cấp đủ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

d) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo dừng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Xác định định hướng đặt hàng

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ xác định định hướng đặt hàng căn cứ theo các chỉ đạo, chiến lược, chương trình, kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan quản lý nhiệm vụ xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;

c) Nội dung công bố: định hướng đặt hàng, thời hạn, địa chỉ và phương thức tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;

d) Hình thức công bố: trên Cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác để doanh nghiệp, tổ chức chuẩn bị nội dung đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ

a) Căn cứ nội dung công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, doanh nghiệp, tổ

chức gửi các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đến cơ quan quản lý nhiệm vụ;

b) Nội dung đề xuất bao gồm các thông tin chính sau: tính cấp thiết; mục tiêu; dự kiến kết quả và hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ; dự kiến kinh phí thực hiện.

3. Xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng

a) Việc xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng được thực hiện thông qua Hội đồng do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập;

b) Tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng được gửi cho thành viên tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi họp gồm:

b1) Quyết định thành lập Hội đồng theo Mẫu số I.7 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b2) Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ và các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;

b3) Kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố có liên quan đã và đang thực hiện trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

b4) Các biểu mẫu, phụ lục phục vụ nhận xét, đánh giá sự phù hợp với định hướng đặt hàng;

b5) Tài liệu khác (nếu có).

c) Thành phần Hội đồng, phương thức làm việc của Hội đồng, trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 26 Quy định này.

4. Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

5. Việc thông báo, xét duyệt đề giao trực tiếp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 và Điều 23 Quy định này.

6. Trong quá trình xét duyệt đề giao trực tiếp, trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đăng ký thực hiện một nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và được hội đồng đánh giá “Đạt”, hồ sơ được chọn là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

b) Trường hợp có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

c) Trường hợp có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước và vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau, thì ưu tiên hồ sơ có thời gian thực hiện ngắn nhất;

d) Các trường hợp không theo quy định tại điểm a, b hoặc c khoản này do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 25. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố

1. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố bao gồm Chương trình khoa học và công nghệ Thành phố và Chương trình đổi mới sáng tạo Thành phố.

2. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được xây dựng trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và Thành phố, xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế, phù hợp với năng lực, điều kiện nguồn lực hiện có, khả năng huy động các nguồn lực xã hội và theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị đề xuất), gửi Sở Khoa học và Công nghệ (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tự đề xuất theo thẩm quyền) để tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

4. Hồ sơ đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN.

5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hồ sơ và phối hợp với cơ quan, đơn vị đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chương trình.

6. Việc thẩm định được thực hiện thông qua hội đồng tư vấn do Sở Khoa học và

Công nghệ thành lập. Thành phần, thành viên, nguyên tắc và trình tự làm việc của hội đồng theo quy định tại khoản 2, 3, 5 và 6 Điều 26 Quy định này.

7. Kết quả thẩm định được thể hiện trong biên bản, phiếu đánh giá nhận xét và báo cáo thẩm định do Sở Khoa học và Công nghệ quy định, bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tính cấp thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Mục tiêu, phạm vi và nội dung;
- c) Dự kiến kết quả, sản phẩm kèm theo chỉ tiêu đánh giá;
- d) Tác động dự kiến đến kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng – an ninh;
- đ) Khả năng thương mại hóa;
- e) Phương thức tổ chức thực hiện;
- g) Cơ chế phối hợp;
- h) Kinh phí và nguồn lực thực hiện;
- i) Cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá.

8. Sau khi chương trình được ban hành, cơ quan được giao chủ trì chương trình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các công việc sau:

- a) Tổ chức thực hiện chương trình;
- b) Thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và tổ chức triển khai, đánh giá các nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Chương II Quy định này và các hoạt động khoa học và công nghệ khác thuộc chương trình.
- c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả triển khai chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

9. Việc đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề

chung.

10. Với Chương trình, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này, việc phê duyệt, triển khai được thực hiện theo cơ chế đặc thù của Thành phố.

Chương IV

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, TỔ CHUYÊN GIA, TỔ THẨM ĐỊNH, ĐOÀN ĐÁNH GIÁ, CHUYÊN GIA

Điều 26. Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Hội đồng) do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập để thực hiện hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ hoặc nhiều nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng chương trình, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ;
- b) Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;
- c) Hội đồng đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- d) Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng;
- đ) Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;
- e) Hội đồng điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- h) Các hội đồng tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ do cơ quan quản lý quyết định.

2. Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu cần), 02 ủy viên là chuyên gia phản biện, 01 ủy viên đồng thời là thư ký khoa học và các ủy viên khác, riêng hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng tối thiểu 07 thành viên. Thành

phần của hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có). Trường hợp Hội đồng hoạt động theo nhiệm kỳ, thành phần Hội đồng không bao gồm chuyên gia phản biện. Chuyên gia phản biện Hội đồng theo nhiệm kỳ do Hội đồng giới thiệu

Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định số lượng và thành phần hội đồng khác với quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thành viên hội đồng và chuyên gia phản biện phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhiệm vụ, vấn đề cần tư vấn;

b) Không có xung đột lợi ích trong quá trình đánh giá hồ sơ;

c) Không tham gia thực hiện và không thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang xét duyệt;

d) Không là vợ hoặc chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm nhiệm vụ, thư ký khoa học hoặc thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ;

đ) Không thuộc trường hợp sau: đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên hội đồng theo quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và quy định khác do Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành (nếu có).

5. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

c) Hội đồng bầu một ủy viên (trừ ủy viên phản biện) làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của hội đồng;

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp đề hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của hội đồng tham dự họp thống nhất. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng.

6. Trình tự làm việc của hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của hội đồng;

c) Hội đồng cử thư ký khoa học để ghi chép đầy đủ ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt trước hội đồng các nội dung của nhiệm vụ cần hội đồng tư vấn; trường hợp họp hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thì đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng;

đ) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

e) Các thành viên hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

g) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

h) Các thành viên hội đồng đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại mẫu phiếu đánh giá;

i) Giúp việc cho Hội đồng có thư ký hành chính. Thư ký hành chính là người do cơ quan quản lý nhiệm vụ phân công. Thư ký hành chính có trách nhiệm tổng hợp kết

quả phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng và thực hiện các nội dung hành chính khác có liên quan;

k) Thư ký khoa học lập biên bản họp hội đồng theo quy định;

l) Hội đồng xem xét, thông qua biên bản làm việc.

7. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể ban hành quy định làm việc của Hội đồng tư vấn theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 27. Tổ chuyên gia tư vấn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chuyên gia tư vấn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia) do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập để rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nội dung chuyên môn khác phục vụ công tác quản lý đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 07 thành viên, bao gồm tổ trưởng, tổ phó và các tổ viên. Thành phần Tổ chuyên gia là bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với nội dung nhiệm vụ hoặc vấn đề cần tư vấn.

Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định số lượng và thành phần Tổ chuyên gia khác với quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tiêu chí đối với thành viên Tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Quy định này.

3. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ chuyên gia: các thành viên Tổ chuyên gia phân tích, thảo luận và đánh giá theo biểu mẫu quy định về các nội dung chính sau:

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố;

b) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trên nền tảng quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

c) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống

hoặc vào việc xây dựng, hoạch định chính sách;

d) Khả năng huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ;

đ) Tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, mức trần kinh phí;

e) Các tiêu chí khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ (nếu có).

4. Nguyên tắc và trình tự làm việc của Tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 Quy định này.

Điều 28. Đoàn đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đoàn đánh giá có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn (nếu cần), thư ký đoàn và các thành viên khác. Thành phần của đoàn đánh giá bao gồm đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ, chuyên gia khoa học, đại diện các cơ quan có liên quan và các thành phần khác để tiến hành đánh giá trong kỳ, cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đánh giá tác động kết quả của nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

2. Tiêu chí đối với thành viên tham gia đoàn đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Quy định này.

3. Nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân tham gia thực hiện đánh giá: đánh giá trung thực, khách quan và công bằng, minh bạch dựa trên chất lượng hồ sơ, mức độ hoàn thành so với mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động thực tiễn của nhiệm vụ so với hợp đồng giao nhiệm vụ; việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của đoàn đánh giá; cá nhân tham gia thực hiện đánh giá không được sử dụng, công bố, lưu giữ hoặc khai thác trái phép thông tin, kết quả của nhiệm vụ; giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá.

4. Việc đánh giá nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức trực tiếp, phương thức trực tuyến hoặc kết hợp hai phương thức.

5. Nguyên tắc làm việc của đoàn đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Quy định này.

6. Trình tự làm việc của đoàn đánh giá

a) Thư ký đoàn tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đoàn đánh giá; đại diện

đơn vị chủ trì giới thiệu thành phần tham dự của đơn vị;

b) Trưởng đoàn đánh giá chủ trì và phân công nhiệm vụ cho thành viên đoàn;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

d) Các thành viên đoàn đánh giá thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;

đ) Các thành viên đoàn đánh giá trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá; thư ký đoàn đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

e) Đoàn đánh giá thảo luận kín (nếu cần);

g) Các thành viên đoàn đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm tại mẫu phiếu đánh giá theo quy định;

h) Thư ký đoàn tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên;

i) Thư ký đoàn lập Biên bản họp theo quy định;

k) Đoàn đánh giá thông qua biên bản làm việc;

l) Lập báo cáo đánh giá theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

m) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chuyên môn của đoàn đánh giá thì Trưởng đoàn đề xuất cơ quan quản lý nhiệm vụ mời chuyên gia tư vấn độc lập hỗ trợ Đoàn đánh giá trước khi kết luận.

Điều 29. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập để thực hiện rà soát định mức chi, sự phù hợp với nội dung công việc và chi phí khác theo quy định hiện hành.

2. Tổ thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, gồm: tổ trưởng, các thành viên và thư ký. Thành viên của Tổ thẩm định có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính, các thành viên còn lại có chuyên môn phù hợp với nội dung cần thẩm định.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề

cần tư vấn, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác so với quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Phiên họp của Tổ thẩm định phải có ít nhất 3/4 số thành viên tổ thẩm định tham dự, trong đó phải có thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính;

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì các phiên họp của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo nội dung và tiêu chí quy định;

c) Các ý kiến của thành viên được thư ký tổng hợp, đưa vào Biên bản thẩm định. Trường hợp có thành viên không thống nhất với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ thẩm định báo cáo cho Cơ quan quản lý nhiệm vụ đồng thời đề xuất phương án xử lý.

5. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định

a) Công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định;

b) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì báo cáo về nội dung đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có);

d) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ và nêu ý kiến thẩm định; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện Tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

đ) Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định theo các biểu mẫu quy định.

Điều 30. Tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để lấy ý kiến trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Tổ chức tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông

tur số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương V

QUẢN LÝ KẾT QUẢ

NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 31. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức việc đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và quy định do cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành theo thẩm quyền để đảm bảo hiệu quả quản lý.

Điều 32. Quản lý, cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố là đơn vị chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 33. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP hoặc theo quy định đặc thù của Thành phố (nếu có).

Điều 34. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức thực hiện theo Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP hoặc theo quy định đặc thù của Thành phố (nếu có).

Điều 35. Thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị

Việc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP hoặc theo quy định đặc thù của Thành phố (nếu có).

Chương VI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 36. Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của cơ quan quản lý nhiệm vụ tại Kho bạc nhà nước và được ngân sách Thành phố bổ sung kịp thời để bảo đảm liên tục việc thực hiện nhiệm vụ.

2. Nội dung, mức chi các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ và chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

Điều 37. Nguyên tắc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo triển khai theo chính sách đặc thù của Thành phố thì thực hiện theo quy định tại chính sách đặc thù đó.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định nguyên tắc xác định mức đảm bảo của

ngân sách nhà nước dựa trên các tiêu chí tương ứng với từng loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình xét duyệt, xét chọn và khả năng cân đối ngân sách. Nguyên tắc xác định phải đảm bảo được công bố công khai, minh bạch, khách quan, phù hợp với thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét mức hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phù hợp.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

b) Định kỳ 05 năm và hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Hằng năm tổ chức khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức quản lý và thực hiện Quy định này.

d) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp nêu tại Điều 5 Quy định này.

2. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp nêu tại Điều 5 Quy định này.

b) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức quản lý và thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất, tổng hợp các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách theo quy định của Luật Ngân

sách, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Hằng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị đề xuất tài trợ, đặt hàng các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý điều hành và phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ để tổ chức đặt hàng thực hiện.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có nghĩa vụ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ các quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do đơn vị ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung để theo dõi, tổng hợp và phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

6. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước; cơ quan chủ quản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; và đơn vị tiếp nhận kết quả hoặc đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả (nếu có) có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát:

a) Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ;

b) Việc quản lý, sử dụng, ứng dụng, phát triển, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

c) Việc khai thác, sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được thay thế, bổ sung, sửa đổi thì thực hiện theo các quy định được thay thế, bổ sung, sửa đổi.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, phát sinh những nội dung cần sửa đổi bổ sung, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.